TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS – ST.
Ngày: 04-4-2019.
(V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lường Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lường Văn Linh;

Ông Lường Văn Pọm;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lường Văn Dục - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2018/TLST - DS ngày 13-12-2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐST- DS, ngày 19-03-2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị P;

Địa chỉ: Tiểu khu S, xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Bùi Thị O;

Địa chỉ: Tiểu khu S, xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24-10-2018 và tại bản khai bổ sung tại Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Nguyên đơn bà Bùi Thị P trình bày:

Ngày 8-5-2009 tôi có cho chị Bùi Thị O; địa chỉ: Tiểu khu S, xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (là em gái ruột của tôi) vay số tiền 225.180.000[đ], hẹn đến ngày 01-01- 2018 sẽ trả và không tính lãi suất. Khi đến hẹn trả, tôi đã nhiều

lần đến nhà chị O đề nghị trả cho tôi số nợ trên nhưng chị O không trả mà còn chửi bới tôi, khiến tôi gặp nhiều khó khăn về kinh tế và tinh thần. Nay tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Bùi Thị Otrả cho tôi toàn bộ số nợ gốc là 225.180.000đ. Tôi không yêu cầu tình lãi. Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã nộp các tài liệu chứng cứ sau:

- 01 giấy biên nhận vay tiền ngày 8-5-2009 (bản gốc);

- 01 sổ hộ khẩu (bản phô tô);

- 01 Chứng minh thư nhân dân (bản phô tô);

- 01 giấy xác nhận của Công an xã TL, huyện Thuận Châu;

Tại bản tự khai ngày 7-01-2019 bị đơn chị Bùi Thị O khai nhận: Tôi thừa nhận là tôi có được ký vào sổ vay tiền của chị P vào năm 2009, tuy nhiên số tiền ghi trong giấy vay nợ là bao nhiêu tôi không biết. Vì lúc đó chị Phượng và tôi cùng đánh lô đề bị thua mất hết tài sản, nhà cửa, nên khi chị P bảo tôi ký ghi nợ để chị làm tin đi đánh đề với các chủ đề khác. Nếu chị đánh được chị sẽ cho tôi đánh tiếp để gỡ nên tôi đã ký vào giấy vay nợ với số tiền chị P tự đặt ra. Vì tin tưởng là chị em ruột nên tôi không nghĩ chị P lại lừa tôi. Nay chị P yêu cầu tôi trả số nợ 225.180.000đ trên tôi không nhất trí trả.

Tại phiên Kiểm tra việc giao nộp và tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: Nguyên đơn bà Bùi Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị chị Bùi Thị O thanh toán toàn bộ số nợ gốc 225.180.000đ cho bà và không yêu cầu tính lãi. Việc vay nợ giữa bà và chị P có ông Bùi Văn K (là em trai ruột của bà P và là anh trai ruột của chị O) biết. Đề nghị Tòa án đưa ông Ki vào làm nhân chứng. Bị đơn chị Bùi Thị O cho rằng có được ký vào số vay nợ với bà P, nhưng số tiền vạy nợ bà P thực chất là tiền chị ghi lô đề nợ chỗ bà P. Nên chị không nhất trí trả nợ số tiền 225.180.000đ cho bà P.Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại biên bản ghi lấy lời khai của người làm chứng ông Bùi Văn K khai nhận: Vào khoảng đầu tháng 12-2018 ông có nghe việc bà P và chị O to tiếng với nhau và xảy ra xô xát, ông có sang hỏi, được biết việc hai chị em bà P, chị O cho nhau vay tiền. Nên ông đã bảo chi O đến xin lỗi chị P vì mình là em. Khi ông đưa chị O lên xin lỗi bà P và biết việc bà P có cho chị Oanh vay số tiền hơn hai trăm triệu và có giấy vay nợ. Ông có bảo chị O xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ. Bà P nói rằng trước đây bà P đã đồng ý cho chị O trả dần mỗi tháng 500.000đ nhưng chị O không trả nên P không đồng ý để chị O trả dần. Còn việc bà P cho chị O vay bao nhiêu tiền, vay vào thời điểm nào ông K không biết.

Tại phiên tòa bị đơn chị Bùi Thị O có ý kiến chỉ nhất trí thanh toán số tiền nợ gốc cho bà Phượng là 50.000.000đ. Nguyên đơn bà Bùi Thị P tự nguyện rút một phần yêu cầu thanh toán nợ số tiền là 125.180.000, trong tổng số nợ 225.180.000đ

buộc chị O thanh toán cho bà số nợ gốc là 100.000.000đ, tuy nhiên chị O không nhất trí. Do vậy bà P vẫn giữa yêu cầu ban đầu của mình, đề nghị chị O thanh toán cho bà số tiền nợ gốc là 225.180.000đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía nguyên đơn bà Bùi Thị P, bị đơn chị Bùi Thị O đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466; Điều 135 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14; Ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị P.

2. Buộc bị đơn chị Bùi Thị O thanh toán toàn bộ số nợ gốc cho nguyên đơn bà Bùi Thị Phượng số tiền là 225.180.000đ. Phương thức thanh toán một lần, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3.Về án phí: Bị đơn chị Bùi Thị O phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Bùi Thị P khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Bùi Thị O trả số tiền vay nợ gốc, xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại Tiểu khu S, xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Người làm chứng ông Bùi Văn K có yêu cầu giải quyết vắng mặt ông vì lý do hiện nay ông đang bị bệnh, thường xuyên phải đi viện điều trị nên không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ việc, do vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông. Căn cứ vào khoản 1 điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Ngày 8-5-2009 bà Bùi Thị P có cho em gái mình là chị Bùi Thị O vay số tiền là: 225.180.000đ không tính lãi suất, hẹn đến ngày 01- 01- 2018 sẽ thanh toán cho bà toàn bộ số nợ trên. Khi đến hạn bà Phượng đã nhiều lần đề nghị chị O thanh toán cho bà số nợ trên nhưng chị O không thanh toán. Chị O cho rằng việc chị vay số tiền của bà P thực chất là tiền

ghi lô đề nợ giữa chị và bà P. Tuy nhiên chị không đưa ra được chứng cứ chứng minh và không có ai chứng kiến việc chị và bà P cho nhau ghi lô đề. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa chị O đều thừa nhận chị có ký vào giấy vay vợ ngày 8-5-2009, thời điểm vay nợ và ký vào giấy vay nợ chị hoàn toàn tỉnh táo, tự nguyện và không bị ai ép buộc. Mặt khác người làm chứng là ông Bùi Văn Kh (anh em ruột của bà P và chị O) cũng thừa nhận có biết việc bà P và chị O cho nhau vay tiền. Đã có thời điểm chị O xin trả dần cho bà P mỗi tháng 1.000.000đ, nhưng chị O không trả. Do vậy không có căn cứ chấp nhận việc chị O cho rằng số tiền chị vay nợ của bà P là tiền do chị ghi lô đề nợ chỗ bà P. Xét Hợp đồng vay tải sản được ký kết giữa nguyên đơn bà Bùi Thị P và bị đơn chị Bùi Thị O là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, được chứng minh bằng chứng cứ là giấy vay nợ ngày 8-5-2009 có chữ ký của chị Bùi Thị O do nguyên đơn bà Bùi Thị P giao nộp. Cùng sự thừa nhận của bị đơn chị Bùi Thị O tại phiên tòa chị nhất trí thanh toán cho bà Bùi Thị P số tiền 50.000.000đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản phía bị đơn chị Bùi Thị O đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi đến hạn. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn chị Bùi Thị O phải thanh toán cho nguyên đơn bà Bùi Thị P toàn bộ số tiền gốc là 225.180.000đ. Phương thức thanh toán 01 lần, thời hạn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Vận dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

[3].Về án phí: Bị đơn chị Bùi Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14; Ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 229; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14; Ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị P. Buộc bị đơn chị Bùi Thị O thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc cho bà Bùi Thị P là 225.180.000đ (hai trăm hai mươi lăm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng). Phương thức thanh toán 01 lần, thời hạn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

2.Về án phí: Bị đơn chị Bùi Thị O phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 11.259.000đ (Mười một triệu hai trăm năm mươi chin nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Bùi Thị P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La là 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Theo biên lai thu số: AA/2016/0001484, ngày 13-12-2018.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND h. Thuận Châu (2 bản);
- Chi cục THADS h. Thuận Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Thị Hương